

THÔNG TƯ

Quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác xuất khẩu vào thị trường Châu Âu

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất kinh doanh một số ngành nghề thủy sản; Nghị định số 14/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 33/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển;

Để phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản và thực hiện quy định của Hội đồng liên minh Châu Âu về phòng ngừa, ngăn chặn, xóa bỏ các hoạt động khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác xuất khẩu vào thị trường Châu Âu như sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định trình tự, thủ tục, nội dung xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, chứng nhận thủy sản khai thác và xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu để xuất khẩu vào thị trường Châu Âu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân khai thác, thu mua, chế biến và xuất khẩu thủy sản khai thác và nhập khẩu thủy sản khai thác để chế biến xuất khẩu vào thị trường Châu Âu.

2. Không áp dụng đối với thủy sản và sản phẩm thủy sản trong danh mục quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác: Là việc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền đối với nguyên liệu thủy sản khai thác không vi phạm các quy định về khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

2. Chứng nhận thủy sản khai thác: Là việc chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền đối với lô hàng xuất khẩu được chế biến từ nguyên liệu thủy sản khai thác không vi phạm các quy định về khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

3. Xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu: Là việc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền đối với lô hàng được chế biến từ thủy sản khai thác nhập khẩu không vi phạm các quy định về khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

4. Vùng khai thác: Là vùng biển mà tàu cá tiến hành khai thác thủy sản trong thời gian của một chuyến biển.

5. Thời gian khai thác: Là khoảng thời gian tính từ ngày tàu bắt đầu thả lưới để khai thác đến ngày tàu kết thúc thu lưới.

6. Lô hàng chứng nhận: Là lô hàng được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận để xuất khẩu vào EU.

7. Chuyển hàng tại cảng: Là hoạt động chuyển hàng từ tàu này sang tàu khác trong phạm vi của cảng.

8. Chủ hàng: Là chủ lô hàng thủy sản xuất khẩu sang châu Âu.

Điều 4. Các hoạt động khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định

Hoạt động khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định khi tổ chức, cá nhân khai thác thủy sản vi phạm một trong các hành vi sau:

1. Khai thác thủy sản mà không có Giấy phép khai thác hợp lệ, không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

2. Không ghi nhật ký và báo cáo khai thác thủy sản theo quy định.

3. Khai thác trong vùng cấm khai thác, trong thời gian cấm khai thác, các loài thủy sản cấm khai thác hoặc khai thác các loài có kích thước nhỏ hơn quy định vượt quá tỉ lệ cho phép trong khai thác.

4. Sử dụng loại nghề, ngư cụ khai thác bị cấm hoặc không đúng quy định.

5. Che dấu, giả mạo hoặc hủy chứng cứ vi phạm các quy định liên quan đến khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

6. Cản trở công việc của cán bộ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát sự tuân thủ đối với các quy định về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

7. Đưa lên tàu, chuyển tải hoặc vận chuyển thủy sản có kích thước nhỏ hơn quy định vượt quá tỉ lệ cho phép trong khai thác.

8. Chuyển tải hay cùng tham gia hoạt động khai thác, hỗ trợ hoặc tiếp ứng cho các tàu khai thác thủy sản đã được xác định có thực hiện hành vi khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

9. Thực hiện hoạt động khai thác trong khu vực quản lý của tổ chức quản lý nghề cá khu vực mà không theo quy định của tổ chức quản lý nghề cá đó nếu Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

Điều 5. Cơ quan có thẩm quyền chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác

1. Các Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý chuyên ngành về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản của địa phương thực hiện việc chứng nhận nhận thủy sản khai thác, xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác và kiểm tra hoạt động khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định trên tàu cá.

2. Các Trung tâm Chất lượng Nông lâm thủy sản vùng thuộc Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản thực hiện kiểm tra, xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu.

Chương II TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHỨNG NHẬN, XÁC NHẬN THỦY SẢN KHAI THÁC

Điều 6. Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác

1. Chủ hàng xuất khẩu điền các thông tin theo quy định trong Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác (mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này) và gửi đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Thông tư này nơi chủ hàng mua nguyên liệu thủy sản khai thác đề nghị xác nhận, có thể gửi trực tiếp tại các cơ quan có thẩm quyền hoặc thông qua đường bưu điện.

2. Không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính xác thực của thông tin đã khai trong Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác và xác nhận cho chủ hàng xuất khẩu.

Trường hợp không xác nhận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

3. Chủ hàng xuất khẩu đề nghị xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác có thể nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền hoặc theo đường bưu điện (trong trường hợp chủ hàng xuất khẩu đề nghị gửi trả kết quả xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác theo đường bưu điện).

4. Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác làm thành 02 bản, 01 bản giao cho chủ hàng xuất khẩu, 01 bản lưu tại cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Điều 7. Chứng nhận thủy sản khai thác

1. Chủ hàng xuất khẩu hoàn thiện 01 bộ hồ sơ gửi đến một trong các cơ quan có thẩm quyền nơi chủ hàng xuất khẩu thủy sản đã mua nguyên liệu đề nghị chứng nhận thủy sản khai thác, có thể gửi trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền hoặc thông qua đường bưu điện. Hồ sơ gồm:

a) Giấy chứng nhận thủy sản khai thác (đã điền đầy đủ các thông tin tại các mục 2 đến mục 8; mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này);

b) Thông tin vận tải (đã điền đầy đủ thông tin, mẫu quy định tại Phụ đính 2b ban hành kèm theo Thông tư này);

c) Thông tin bổ sung cho các sản phẩm thủy sản được chế biến từ nguyên liệu của tàu cá Việt Nam, sử dụng khi sản phẩm xuất khẩu của lô hàng được mua nguyên liệu từ nhiều hơn một (01) tàu hoặc trường hợp nguyên liệu mua từ một (01) tàu nhưng được chế biến thành nhiều hơn một lô hàng (mẫu quy định tại Phụ đính 2a ban hành kèm theo Thông tư này);

d) Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác (có liên quan đến lô hàng xuất khẩu đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận).

2. Không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị chứng nhận thủy sản khai thác cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính xác thực của thông tin trong hồ sơ đề nghị chứng nhận thủy sản khai thác và chứng nhận cho chủ hàng xuất khẩu.

Trường hợp không chứng nhận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

3. Chủ hàng xuất khẩu đề nghị chứng nhận thủy sản khai thác có thể nhận kết quả trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền hoặc theo đường bưu điện (trong trường hợp chủ hàng xuất khẩu đề nghị gửi kết quả chứng nhận thủy sản khai thác theo đường bưu điện).

4. Mỗi lô hàng xuất khẩu được cấp 01 Giấy chứng nhận thủy sản khai thác. Giấy chứng nhận thủy sản khai thác được làm thành 02 bản, 01 bản giao cho Chủ hàng và 01 bản lưu tại cơ quan có thẩm quyền chứng nhận.

Điều 8. Xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu

1. Lô hàng nguyên liệu thủy sản khai thác nhập khẩu để chế biến xuất khẩu vào thị trường châu Âu phải có chứng nhận thủy sản khai thác của cơ quan có thẩm quyền của nước mà tàu đó treo cờ.

2. Chủ hàng xuất khẩu lô hàng được sản xuất từ thủy sản khai thác nhập khẩu gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký đến cơ quan có thẩm quyền nêu tại Khoản 2, Điều 5 của Thông tư này. Hồ sơ gồm:

a) Giấy chứng nhận thủy sản khai thác (bản chính hoặc bản sao);

b) Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm lô hàng thủy sản theo mẫu quy định tại Quyết định số 118/2008/QĐ-BNN ngày 11/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc giấy

đăng ký kiểm dịch và kiểm tra chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm theo mẫu quy định tại Thông tư số 47/2010/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2010;

c) Bảng kê chi tiết lô hàng ban hành kèm theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 47/2010/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2010;

d) Giấy xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu (theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này);

Nếu hồ sơ đăng ký kiểm tra lô hàng phù hợp thì cơ quan kiểm tra xác nhận vào hồ sơ đăng ký kiểm tra và thống nhất với Chủ hàng thời điểm kiểm tra tại hiện trường. Nếu không phù hợp, cơ quan có thẩm quyền phải hướng dẫn chủ hàng hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

3. Hình thức kiểm tra

Kiểm tra tại hiện trường đối với tất cả các lô hàng trước khi xuất khẩu.

4. Nội dung kiểm tra

Kiểm tra sự phù hợp và tính xác thực của các thông tin cam kết của chủ hàng so với hồ sơ sản xuất lô hàng và các Giấy chứng nhận thủy sản khai thác của các lô nguyên liệu để sản xuất lô hàng.

5. Xác nhận và thông báo kết quả kiểm tra

a) Trong thời hạn không quá hai (02) ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường, cơ quan có thẩm quyền xác nhận bản cam kết của chủ hàng đối với lô hàng đăng ký kiểm tra theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trường hợp kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền không xác nhận cam kết và thông báo cho chủ hàng bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Chương III

KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC BẤT HỢP PHÁP, KHÔNG BÁO CÁO VÀ KHÔNG THEO QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI TÀU CÁ

Comment [VT1]: Đưa vào Phụ lục theo góp ý tại cuộc họp với Thứ trưởng Tâm

Điều 9. Kiểm tra hoạt động khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định đối với tàu cá

1. Đối tượng kiểm tra

Các tàu cá hoạt động khai thác thủy sản và vận chuyển thủy sản có sản phẩm khai thác dùng làm nguyên liệu để chế biến xuất khẩu vào thị trường Châu Âu.

2. Cơ quan kiểm tra

Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản và các cơ quan có thẩm quyền nêu tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư này lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm tra.

3. Nguyên tắc kiểm tra

Theo nguyên tắc đánh giá nguy cơ, trên cơ sở đảm bảo việc kiểm tra không ít hơn 5% tổng số lần các tàu cá cập cảng, bến cá trung bình trong một năm.

4. Thành lập Đoàn kiểm tra

Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, trong đó nêu rõ phạm vi, nội dung, địa điểm kiểm tra; họ tên, chức danh của trưởng đoàn và các thành viên trong đoàn; Trách nhiệm của chủ tàu và đoàn kiểm tra. Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra phải được thông báo tại tàu khi bắt đầu kiểm tra.

5. Nội dung kiểm tra

Kiểm tra Giấy phép khai thác và các nội dung nêu tại Điều 4 của Thông tư này và được nêu rõ trong Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

Sau khi kết thúc kiểm tra, Đoàn kiểm tra lập Biên bản kiểm tra và thông báo kết quả kiểm tra trong đó nêu rõ các nội dung vi phạm (nếu có), đại diện đoàn kiểm tra, thuyền trưởng hoặc người đại diện của thuyền trưởng ký tên vào biên bản kiểm tra. Biên bản kiểm tra được làm thành 02 bản, 01 bản giao cho Chủ tàu, 01 bản lưu tại cơ quan thẩm quyền. Mẫu biên bản kiểm tra được ban hành theo Phụ lục 9 của Thông tư này.

6. Xử lý kết quả kiểm tra

Nếu kết quả kiểm tra phát hiện có hành vi vi phạm các quy định của Thông tư này, tùy mức độ vi phạm, cơ quan kiểm tra áp dụng một trong các hình thức xử lý sau:

+ Không chứng nhận thủy sản khai thác cho sản phẩm thủy sản khai thác của tàu đó trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kiểm tra và đưa tàu cá đó vào danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo qui định và đăng tải trên Website của Tổng cục Thủy sản, Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản ([http:// www.cucktbvnlt.s.gov.vn](http://www.cucktbvnlt.s.gov.vn));

+ Chuyển hồ sơ đến cơ quan chức năng để tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật;

+ Sau thời gian 60 ngày khi có ý kiến của cơ quan quản lý trực tiếp tàu cá xác nhận tàu cá này đã có biện pháp khắc phục và sửa chữa sai phạm, Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản đưa tàu đó ra khỏi danh sách tàu khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

Chương IV **TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN** **CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

Điều 10. Trách nhiệm và quyền của thuyền trưởng, chủ tàu cá

1. Thuyền trưởng, chủ tàu cá có trách nhiệm sau đây:

a) Cung cấp chính xác những thông tin liên quan ghi trong Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác (mẫu Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này) cho chủ hàng xuất khẩu, ký xác nhận và chịu trách nhiệm về những khai báo của mình;

b) Tạo điều kiện cho Đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ.

2. Thuyền trưởng, chủ tàu hoặc người đại diện của thuyền trưởng, chủ tàu có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền cung cấp các quy định liên quan đến việc xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, chứng nhận thủy sản khai thác.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền của chủ hàng xuất khẩu

1. Chủ hàng có trách nhiệm sau đây:

a) Hoàn thiện những thông tin liên quan ghi trong Giấy chứng nhận thủy sản khai thác (theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này), Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác (theo quy định tại Phụ lục 3, Phụ đính 2a, Phụ đính 2b ban hành kèm theo Thông tư này) trước khi gửi đề nghị tới cơ quan có thẩm quyền chứng nhận, xác nhận và chịu trách nhiệm về những khai báo của mình;

b) Cung cấp thông tin liên quan đến việc thực hiện Thông tư này khi cơ quan thẩm quyền yêu cầu;

c) Lưu trữ hồ sơ chứng nhận, xác nhận trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày được chứng nhận, xác nhận.

2. Chủ hàng có quyền sau đây:

a) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền cung cấp những quy định liên quan đến chứng nhận, xác nhận;

b) Chọn một trong các cơ quan có thẩm quyền nơi đã mua nguyên liệu đề nghị chứng nhận thủy sản khai thác.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan có thẩm quyền nêu tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư này

1. Trách nhiệm

a) Giải quyết và thụ lý các hồ sơ liên quan đến việc xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, chứng nhận thủy sản khai thác theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Thông tư này khi có đề nghị của chủ hàng xuất khẩu;

b) Hướng dẫn chủ hàng xuất khẩu, thuyền trưởng, chủ tàu người đại diện của thuyền trưởng, chủ tàu thực hiện các công việc liên quan đến việc xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác và chứng nhận thủy sản khai thác;

c) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 16 của Thông tư này;

d) Báo cáo Tổng cục Thủy sản về các vi phạm được phát hiện và chuyển hồ sơ cho cơ quan chức năng để xử lý theo quy định;

đ) Lưu trữ hồ sơ liên quan đến việc chứng nhận thủy sản khai thác, xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày được chứng nhận, xác nhận.

2. Quyền hạn

a) Yêu cầu thuyền trưởng, chủ tàu, người đại diện của thuyền trưởng, chủ

tàu và chủ hàng cung cấp những thông tin liên quan phục vụ cho việc chứng nhận, xác nhận;

b) Từ chối việc chứng nhận, xác nhận nếu thuyền trưởng, chủ tàu hoặc chủ hàng vi phạm các quy định của Thông tư này.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của các Cơ quan có thẩm quyền nêu tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này

1. Trách nhiệm

a) Thực hiện việc xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này;

b) Hướng dẫn chủ hàng nhập khẩu thực hiện việc xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu;

c) Báo cáo Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản theo quy định;

d) Lưu trữ hồ sơ xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày được xác nhận.

2. Quyền hạn

a) Yêu cầu chủ hàng nhập khẩu cung cấp những thông tin liên quan phục vụ cho việc xác nhận;

b) Từ chối việc xác nhận nếu chủ hàng vi phạm các quy định của Thông tư này.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban quản lý cảng cá

a) Xác nhận những thông tin liên quan đến việc chuyển hàng tại cảng trong chứng nhận thủy sản khai thác (nếu có);

b) Cung cấp các thông tin liên quan đến các tàu cá đăng ký neo đậu, bốc dỡ tại cảng.

**Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 15. Nhiệm vụ của cơ quan quản lý

1. Nhiệm vụ của Tổng cục Thủy sản

Chỉ đạo Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản:

a) Tổ chức thực hiện thống nhất hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; định kỳ kiểm tra, giám sát hoạt động liên quan đến kiểm tra, xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, chứng nhận thủy sản khai thác;

b) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện công tác kiểm tra, xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, chứng nhận thủy sản khai thác;

c) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn về thủ tục, phương thức quản lý, kiểm tra, xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, chứng nhận thủy sản khai thác để áp dụng thống nhất trên phạm vi cả nước; Tuyên truyền cho ngư dân, các tổ chức, cá

nhân liên quan nâng cao nhận thức về các nội dung liên quan đến khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo qui định và việc thực hiện Thông tư này;

d) Định kỳ 6 (sáu) tháng, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện những quy định liên quan của Thông tư này;

đ) Thông báo danh sách các tàu cá vi phạm các quy định về khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định trên Website của Tổng cục Thủy sản, Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, các cơ quan liên quan và Tổng vụ các vấn đề biển và Thủy sản của Ủy ban châu Âu;

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan của Việt Nam trao đổi, đàm phán với cơ quan có thẩm quyền châu Âu trong việc hợp tác, trao đổi thông tin, xử lý các vướng mắc liên quan đến việc thực hiện các quy định về chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định của Ủy ban châu Âu.

2. Nhiệm vụ của Cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện thống nhất hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ; định kỳ kiểm tra, giám sát hoạt động có liên quan đến việc kiểm tra, xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu;

b) Thống nhất quản lý về chuyên môn nghiệp vụ; đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ thực hiện công tác kiểm tra, xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu;

c) Định kỳ 6 (sáu) tháng báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hoạt động kiểm tra, xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu;

3. Nhiệm vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố ven biển

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này đối với cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Thông tư này;

b) Hướng dẫn, phổ biến và kiểm tra việc chấp hành các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Tổng cục Thủy sản;

c) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, phối hợp với các cơ quan hữu quan trên địa bàn để tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến những quy định liên quan của Thông tư này;

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đảm bảo kinh phí, cán bộ và các điều kiện liên quan cho hoạt động của cơ quan có thẩm quyền về chứng nhận thủy sản khai thác.

Điều 16. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm hoặc khi có yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư này lập báo cáo chi tiết về tình hình chứng nhận thủy sản khai thác gửi về Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

3. Định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm hoặc khi có yêu cầu, cơ quan

thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này lập báo cáo chi tiết về tình hình xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản xuất khẩu có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu thủy về Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản.

3. Nội dung báo cáo gồm: Danh sách chủ hàng được chứng nhận lô hàng thủy sản khai thác, danh sách những tàu cá vi phạm những quy định về khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định; tổng số giấy chứng nhận, tổng khối lượng thủy sản khai thác được chứng nhận (mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục 10 của Thông tư này).

4. Thời gian gửi báo cáo: Chậm nhất 5 ngày kể từ ngày kết thúc tháng, chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc Quý, chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc năm.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Thủy sản, các Vụ, Cục, Thanh tra, Trung tâm thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình đôn đốc, kiểm tra thực hiện Thông tư này.

2. Kinh phí thực hiện việc xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, xác nhận cam kết sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ thủy sản khai thác nhập khẩu và chứng nhận thủy sản khai thác, các đơn vị được giao nhiệm vụ lập dự toán kinh phí sự nghiệp chi vào hoạt động của đơn vị, bổ sung vào kinh phí hoạt động hàng năm của đơn vị mình.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo, đề xuất về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Tổng Cục Thủy sản hoặc Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản tùy theo vấn đề có liên quan) để tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành thay thế Thông tư số 09/2011/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 3 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Nơi nhận :

- Văn phòng TW Đảng, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh thành phố ven biển;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị thuộc Bộ NN&PTNT;
- Sở NN và PTNT các tỉnh thành phố ven biển;
- Chi cục KT và BVNLTS các tỉnh thành phố ven biển;
- Các trung tâm vùng (Cục QLCL NLS &TS)
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ; Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VT, TCTS, KTBVNL, QLCL NLS &TS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Vũ Văn Tám